TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ- ST.
Ngày: 26/10/2023.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Thanh Bình;

2. Ông Vũ Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Đoản – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 26/10/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2023/TLST – HNGĐ ngày 19/7/2023 về Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2023/QĐXX - ST ngày 14/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐST - HPT ngày 26/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn C – Sinh năm 1997 "có mặt".
Nơi cư trú: Bản N L, xã T N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Chị Tòng Thị H – Sinh năm 2002 " vắng mặt".
Nơi cư trú: Bản Na Có, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10/7/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, anh Hoàng Văn C (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Hà lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T N, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ngày 21/10/2020. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn đến ngày 15/6/2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Chúng tôi đã sống ly thân từ 09/9/2021 cho đến nay. Chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm của tôi với cô Hà không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Hà.

2. Về con chung: Không có.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Đối với bị đơn Tòng Thị H: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy

định của pháp luật như: Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để viết bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không thực hiện và cũng không có ý kiến gì.

Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân xác nhận của UBND xã T N đã xác định sau khi đăng ký kết hôn hai vợ chồng ở với nhau một thời gian, sau đó hai vợ chồng sống không hạnh phúc và sống ly thân nhau, chị Hà đã bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ ở Bản Na Có, xã P L, huyện Đ B. Còn anh Cung vẫn ở nhà ở cùng với bố mẹ đẻ ở Bản N L, xã T N, huyện Đ B.

Về con chung và tài sản: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Cung phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Cung đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005278 ngày 19/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn anh Hoàng Văn C, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Cung xin ly hôn với chị Hà, chị Hà có hộ khẩu thường trú tại xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng:

Chị Hà và anh Cung kết hôn năm 2020, đến năm 2023 thì anh Cung khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Tòng Thị H và anh Hoàng Văn C lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai người bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau và dẫn đến hai người sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Hà và anh Cung đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Cung xác định tình cảm của mình đối với chị Hà không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa anh Cung vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Cung và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Tòng Thị H và anh Hoàng Văn C.

[5]. Về con chung: Không có.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, tài sản chung, diện tích ruộng: Không có.

[6.2]. Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[7]. Về án phí:

Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Cung phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Cung đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005278 ngày 19/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

Đối với bị đơn Tòng Thị H:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, nhưng chị Hà không có ý kiến gì. Sau đó Tòa án Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

1- Tuyên xử: Cho anh Hoàng Văn C được ly hôn với chị Tòng Thị H.

2 - Về con chung:

Không có.

3- Về Tài sản:

Không có.

4- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Cung phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Cung đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0005278 ngày 19/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, anh Cung đã nộp đủ án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã T N;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Vũ Văn Tám	Lường Văn Lương	Lò Thị Thanh Bình